

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC BÌNH
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2022/DS - ST
Ngày 20 - 9 - 2022
V/v Tranh chấp về quyền sử dụng
đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất,
buộc chấm dứt hành vi tranh chấp

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC BÌNH, TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nông Thị Huyền Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Văn Khiêm;

Bà Hoàng Thị Hiệu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Vy Thị Hằng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Ông Hứa Thế Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 9 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 17/2022/TLST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, buộc chấm dứt hành vi tranh chấp theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2022/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐ-TA ngày 23 tháng 8 năm 2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Vi Văn K, sinh năm 1984; cư trú tại: Số B06 – V7, khu đô thị T, phường L, quận H, thành phố Hà Nội; có mặt.

- Bị đơn: Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1966; cư trú tại: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn bà Hoàng Thị D: Bà Lương Thị Hương L - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn – người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Văn H, Trưởng phòng Tài nguyên và môi trường huyện L, tỉnh Lạng

Son (Quyết định số 3279/QĐ-UBND ngày 12/7/2022 về việc ủy quyền tham gia tố tụng vụ án dân sự); vắng mặt.

2. Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn – người đại diện theo pháp luật: Ông Vi Văn T, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

3. Công ty TNHH MTV L; địa chỉ: Số 6, khu C, thị trấn L, huyện L, tỉnh Lạng Sơn – người đại diện theo ủy quyền: Ông Lành Văn C, Phó giám đốc (Giấy ủy quyền ngày 09/5/2022); vắng mặt.

4. Bà Mỗ Thị X, sinh năm 1958; cư trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

5. Chị Vi Thị T, sinh năm 1986; cư trú tại: Thôn L, xã Đ, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có mặt.

6. Bà Lý Thị P, sinh năm 1933; cư trú tại: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

7. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1987; có mặt.

8. Anh Hoàng Văn X, sinh năm 1993; có mặt.

9. Ông Hoàng Minh P (Hoàng Ninh P), sinh năm 1956; vắng mặt.

10. Ông Hoàng Văn L, sinh năm 1960; vắng mặt.

11. Anh Hoàng Văn T, sinh năm 1980 (con ông Hoàng Hỷ C); có mặt.

12. Bà Lâm Thị N (vợ ông Hoàng Văn B); có mặt.

13. Bà Hoàng Thị N, sinh năm 1964 (con ông Hoàng Văn X); có mặt.

14. Bà Hoàng Thị B, sinh năm 1960 (con ông Hoàng Văn C); có mặt.

15. Bà Hoàng Thị D, sinh năm 1966 (con ông Hoàng Văn C); vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã M (trước đây là xã M), huyện L, tỉnh Lạng Sơn;

16. Anh Hoàng Văn V, sinh năm 1979, cư trú tại: Thôn N, xã T (trước đây là xã N), huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

17. Ông Hoàng Văn C, cư trú tại: Thôn 21, xã C, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

- *Người làm chứng:*

1. Ông Hoàng Văn H, sinh năm 1964; có mặt.

2. Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1968; có mặt.

3. Ông Hoàng Văn L; vắng mặt.

4. Ông Hoàng Văn C; vắng mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn N, xã M (trước đây là xã M), huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

5. Ông Vi Văn L, sinh năm 1957, cư trú tại: Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

6. Ông Lý Văn Đ, sinh năm 1963; có mặt.

7. Ông Lý Văn T, sinh năm 1969; có mặt.

Cùng cư trú tại: Thôn K, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại các đơn khởi kiện đề ngày 20/12/2021 và ngày 14/3/2022 cùng những lời trình bày tiếp theo, nguyên đơn anh Vi Văn K yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, buộc bà Hoàng Thị D chấm dứt hành vi tranh chấp với anh Vi Văn K.

Tại phiên tòa, nguyên đơn anh Vi Văn K yêu cầu được quản lý, sử dụng tổng diện tích đất tranh chấp là 10333m² thuộc một phần thửa đất số 516 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã Mcũ (nay là xã M); địa danh, địa chỉ thửa đất: Đồi N, Thôn N, xã M (trước đây là xã Mcũ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn; yêu cầu bà Hoàng Thị D di dời toàn bộ tài sản trên đất, gồm: 01 cây thông đường kính gốc từ 05cm-10cm, 08 cây thông đường kính gốc từ 10cm-20cm, 02 cây thông đường kính gốc từ 20cm - 30cm, 01 cây thông đường kính gốc trên 30cm, 01 cây gỗ tạp thông thường đường kính gốc từ 05cm-10cm; buộc bà Hoàng Thị D chấm dứt hành vi tranh chấp với anh Vi Văn K; đề nghị giải quyết chi phí tố tụng và án phí theo quy định của pháp luật.

Anh Vi Văn K trình bày về nguồn gốc, quá trình quản lý, sử dụng đất và căn cứ chứng minh quyền sử dụng đất như sau: Năm 1993, bố mẹ anh Vi Văn K là ông Vy Văn H (Vi Văn H) và bà Mỗ Thị X nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất rừng N (đất tranh chấp) với ông Hoàng Văn C (đã chuyển đi nơi khác sinh sống), có viết tay Giấy bán nhượng rừng ngày 22/11/1993 (âm lịch), có chữ ký của ông Vi Văn H, ông Hoàng Văn C và người làm chứng, chứng kiến Lý T. Nội dung Giấy bán nhượng rừng ngày 22/11/1993 (âm lịch) như sau: Ông Hoàng Văn C chuyển nhượng cho ông Vy Văn H 02 (hai) khu rừng N và L (thường gọi là Đ) đều thuộc Thôn N, xã M (nay là Minh Hiệp), huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Rừng N giáp với rừng ông Lý Văn Đ, dọc từ cây sâu bờ suối thẳng lên núi trở vào trong khe với một đám nương nhỏ. Giá trị chuyển nhượng 02 rừng này là 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng). Sau khi nhận chuyển nhượng đất rừng N với ông Hoàng Văn C vào cuối năm 1993 thì gia đình anh chưa canh tác, trồng cây gì trên đất mà chỉ các cây tạp làm củi. Nguyên nhân không canh tác, sử dụng đất là do bố mẹ anh đều làm giáo viên, bận công việc, anh và em gái còn nhỏ, đang đi học. Năm 1996, gia đình anh (hộ ông Vy Văn H) được cấp Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng đăng ký số 53 tại Hạt Kiểm lâm theo Quyết định số 53/UB-QĐ ngày 15/4/1996 của UBND huyện L, được giao quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 6,25 ha (toàn bộ là đất trồng rừng), tại sơ đồ diện tích đất lâm nghiệp và biểu kê khai hiện trạng đất lâm nghiệp thể hiện giao cho hộ ông Vy Văn H lô 203 có diện tích 1,75 ha tại N (loại hình, trạng thái Ib) và lô 190 có diện tích 4,5 ha (loại hình, trạng thái Ic), mục đích trồng rừng. Anh Vi Văn K xác định lô 203 có địa danh N chính là diện tích đất tranh chấp hiện tại ở rừng N. Năm 2001, khi Nhà nước triển khai dự án 661 để trồng cây phủ xanh đất trống, đồi núi trọc thì ông Hoàng Văn S (chồng bà Hoàng Thị D) và Chủ tịch UBND xã xuống

nhà anh xin bố mẹ anh cho gia đình ông Hoàng Văn S được trồng cây trên rừng N theo dự án 661, kết thúc dự án, khai thác cây xong sẽ trả đất cho gia đình anh. Nay, ông Hoàng Văn S và ông chủ tịch UBND xã M cũ đến mượn đất gia đình anh đều đã chết. Tháng 10 năm 2021, gia đình bà Hoàng Thị D (vợ ông Hoàng Văn S) khai thác hết thông trên phần diện tích đất N mượn của gia đình anh nhưng không trả lại đất dù gia đình anh nhắc nhở nhiều lần.

Bị đơn bà Hoàng Thị D không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vi Văn K và trình bày như sau: Đất tranh chấp không phải là rừng N mà ông Hoàng Văn C bán cho ông Vy Văn H. Trước năm 1999 đất tranh chấp là đồi trọc, không ai quản lý, sử dụng. Vào năm 1999, chồng bà là ông Hoàng Văn S có đơn xin nhận khoán trồng rừng chăm sóc theo Dự án 5 triệu ha năm 1999, được Lâm trường L ký Hợp đồng số 77/HĐK ngày 01/02/1999 về Khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng dự án trồng mới 5 triệu ha rừng năm 1999 với diện tích 2,1 ha thuộc lô b5 khoảnh 4, tiểu khu 410. Đất tranh chấp hiện nay thuộc một phần trong diện tích 2,1 ha đất mà gia đình bà nhận khoán trồng rừng với Lâm trường L (nay là Công ty Trách nhiệm hữu hạn một thành viên (TNHHMTV) Lâm Nghiệp L). Gia đình tôi bà đã quản lý, sử dụng đất tranh chấp tại Đồi N từ năm 1999 đến bây giờ, cụ thể: Năm 1999, gia đình bà gieo hạt thông nhưng không thành, năm 2000 thì Lâm trường ươm cây giống (cây thông con) giao cho gia đình bà trồng được khoảng 1.800 cây thông, hàng năm gia đình bà chăm sóc, bảo vệ cây và khai thác nhựa thông từ năm 2008. Gia đình bà đã được Lâm trường L thanh toán tiền công trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trong thời gian khoảng 04 (bốn) năm. Năm 2021, gia đình bà đã bán hết các cây thông trồng trên đất, người mua đã khai thác gẫy hết cây thông, chỉ còn khoảng 20- 30 cây thông là chưa khai thác do địa thế đất đồi dốc. Khoảng tháng 11/2021, gia đình anh Vi Văn K đến nhà bà nói rằng đất tranh chấp là của gia đình anh Vi Văn K mua với ông Hoàng Văn C, đã được cấp sổ bìa xanh thuộc lô số 203 bản đồ giao đất giao rừng năm 1996 xã M, huyện L; trước đây, ông Vy Văn H cho ông Hoàng Văn S mượn đất để làm dự án trồng thông với Lâm trường L nay gia đình bà đã khai thác thông xong thì phải trả lại đất cho gia đình anh Vi Văn K nhưng gia đình bà không đồng ý vì gia đình bà không mượn đất, đất tranh chấp là thôn chia cho gia đình bà. Tại phiên tòa, bị đơn bà Hoàng Thị D không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vi Văn K. Bà Hoàng Thị D yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và sở hữu tài sản trên đất; đề nghị giải quyết chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật, miễn án phí cho bà trong trường hợp phải chịu án phí vì là người dân tộc thiểu số sinh sống tại vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn gồm bà Lý Thị P, bà Mỗ Thị X và chị Vi Thị T cùng ý kiến, yêu cầu với nguyên đơn anh Vi Văn K. Đề nghị Tòa án giải quyết cho anh Vi Văn K được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 10333m² thuộc một phần thửa đất số 516 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã M cũ (nay là xã M); địa danh, địa chỉ thửa đất: Đồi N, Thôn N, xã M (trước đây là xã Mcũ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn; yêu cầu bà Hoàng Thị D phải di dời toàn bộ cây trên đất. Bà Mỗ Thị X có ý kiến bổ sung:

Năm 2008, bà có mang giấy cho mượn đất đến nhà bảo ông Hoàng Văn S và bà Hoàng Thị D ký tên nhưng ông Hoàng Văn S và bà Hoàng Thị D không ký, chỉ hứa là sau khi khai thác thông xong sẽ trả lại đất cho gia đình bà.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn gồm anh Hoàng Văn T, anh Hoàng Văn X cùng ý kiến với bị đơn bà Hoàng Thị D; đề nghị giải quyết cho bà Hoàng Thị D được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất có diện tích là 10333m² thuộc một phần thửa đất số 516 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã M cũ (nay là xã M); địa danh, địa chỉ thửa đất: Đồi N, Thôn N, xã M (trước đây là xã M cũ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

Tại Công văn số 2262/UBND-TNMT ngày 05/8/2022 V/v cung cấp thông tin, tài liệu, chứng cứ và lời khai trong hồ sơ, người đại diện của Ủy ban nhân dân huyện L trình bày đất tranh chấp thuộc một phần thửa đất số 516 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã M chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và có thể được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho cá nhân, cơ quan, tổ chức theo quy định. Quá trình quản lý đất đai, Ủy ban nhân dân huyện L đã ban hành Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc Cấp đổi và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và danh sách kèm theo Quyết định, thể hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L có nhiệm vụ “Thu hồi và lưu giữ sổ giao đất, giao rừng (sổ bì xanh) của các hộ gia đình, cá nhân đã được cấp và giao trước đây”; “Các quyết định về việc giao đất, giao rừng (sổ bì xanh) cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã M của Ủy ban nhân dân huyện trước đây hết hiệu lực thi hành”.

Tại báo cáo số 76a/BC-UBND ngày 13/7/2022 V/v cung cấp tài liệu, chứng cứ, tham gia tố tụng của Ủy ban nhân dân xã M cung cấp thông tin như sau: Ủy ban nhân dân xã M được quy chủ quản lý, sử dụng thửa đất số 516 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã M cũ (nay là xã M) nhưng thực tế đất là do các hộ gia đình sử dụng, UBND xã M không có yêu cầu quản lý, sử dụng đất tranh chấp.

Tại Công văn số 76/CV-CT ngày 10/5/2022 V/v tham gia tố tụng, cung cấp thông tin, ý kiến và tài liệu, Công ty TNHH MTV L cung cấp thông tin như sau: Lâm trường L trước đây (nay là Công ty TNHH MTV L) ký Hợp đồng số 77/HĐK ngày 01/02/1999 về Khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng dự án trồng mới 5 triệu ha rừng năm 1999 với diện tích 2,1 ha thuộc lô b5 khoảnh 4, tiểu khu 410 với hộ ông Hoàng Văn S; sau đó cung cấp cây giống để gia đình ông Hoàng Văn S trồng rừng phủ xanh đất trống, đồi trọc. Nay, Công ty TNHH MTV L không có yêu cầu sở hữu cây trên đất đã giao cho hộ ông Hoàng Văn S trồng.

Tại những lời khai trong hồ sơ và tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan gồm: Ông Hoàng Minh P (Hoàng Ninh P), sinh năm 1956; ông Hoàng Văn L, sinh năm 1960; anh Hoàng Văn T, sinh năm 1980 (con ông Hoàng Hỷ C); bà Lâm Thị N (vợ ông Hoàng Văn B); bà Hoàng Thị N, sinh năm 1964 (con ông Hoàng Văn X); bà Hoàng Thị B, sinh năm 1960 và bà Hoàng Thị D, sinh năm 1966 (con ông Hoàng Văn C) có hộ gia đình được cấp lô 205 và 206

theo bản đồ giao đất giao rừng xã Mcũ có liên quan đến đất tranh chấp nhưng thực tế không quản lý, sử dụng đất tranh chấp và đã nộp lại sổ bìa xanh cho cơ quan có thẩm quyền, nay không có yêu cầu quản lý, sử dụng đất tranh chấp.

Tài liệu trong hồ sơ thể hiện người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn C trình bày: Ông là người bán rừng N tại Giấy bán nhượng rừng ngày 22/11/1993 âm lịch cho ông Vy Văn H. Theo ông Hoàng Văn C rừng N được xác định từ cây sau sau bờ suối, lên núi phía ngoài, giáp đất ông Lý Văn Đ đến nương nhỏ. Diện tích đất ở phía trên đồi mà bà Hoàng Thị D trồng thông là đất trống, đồi trọc không phải rừng của ông Hoàng Văn C.

Tại lời khai trong hồ sơ, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Hoàng Văn V trình bày đã mua toàn bộ cây trên đất tranh chấp với bà Hoàng Thị D nhưng còn một số cây thông khó khai thác nên anh không có yêu cầu sở hữu những cây thông này, đề nghị Tòa án giải quyết cho ai được quản lý, sử dụng đất thì được sở hữu cây và không phải thanh toán giá trị cây cho anh.

Những người làm chứng ông Hoàng Văn H, ông Hoàng Văn P trình bày nguồn gốc đất tranh chấp là đất trống, đồi trọc được thôn họp và phân chia cho gia đình ông Hoàng Văn S trồng thông, không phải là rừng N của ông Hoàng Văn C đã bán cho ông Vy Văn H. Ông Lý Văn T trình bày ông là người viết Giấy bán nhượng rừng ngày 22/11/1993 âm lịch; sau khi mua bán đất các bên không tiến hành giao nhận đất tại thực địa. Ông Lý Văn Đ trình bày ông có khu rừng giáp với rừng ông Hoàng Văn C đã bán cho ông Vy Văn H, hiện tại gia đình anh Vi Văn K đã trồng keo trên diện tích rừng này. Tại lời khai trong hồ sơ, ông Vi Văn L trình bày có được nghe gia đình anh Vi Văn K nói về việc mua rừng N với ông Hoàng Văn C.

Tại phiên tòa, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị đơn bà Hoàng Thị D phát biểu ý kiến: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ thể hiện từ năm 1999 đến tháng 10/2021, gia đình bà Hoàng Thị D đã quản lý, sử dụng ổn định tổng diện tích đất tranh chấp là 10333m² thuộc một phần thửa đất số 516 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã M cũ (nay là xã M), địa danh và địa chỉ thửa đất tại: Đồi N, Thôn N, xã M (trước đây là xã M cũ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn và tài sản trên đất gồm toàn bộ các cây thông, cây gỗ tạp và không có tranh chấp đất đai với ai. Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và lời khai của các đương sự, người làm chứng tại phiên tòa thể hiện đất tranh chấp có nguồn gốc là đất trống, đồi trọc được dân cư trong Thôn N họp lại và phân chia cho gia đình bà Hoàng Thị D quản lý, sử dụng, ký kết Hợp đồng số 77/HĐK ngày 01/02/1999 về Khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng dự án trồng mới 5 triệu ha rừng năm 1999 với Lâm trường L, được Lâm trường L cung cấp cây thông con, thanh toán tiền trồng cây, bảo vệ rừng. Trong quá trình quản lý, sử dụng đất, gia đình bà Hoàng Thị D không xảy ra tranh chấp đất đai với ai. Căn cứ quy định của Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013 và Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vi Văn K, giải quyết cho bị đơn bà Hoàng Thị D được quyền quản lý, sử dụng diện tích 10333m² thuộc một phần thửa đất số 516 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số

01 xã M cũ (nay là xã M), địa danh và địa chỉ thửa đất tại: Đồi N, Thôn N, xã M (trước đây là xã M cũ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất. Đề nghị giải quyết chi phí tố tụng của vụ án theo quy định, giải quyết cho bà Hoàng Thị D được miễn án phí trong trường hợp phải chịu án phí.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn: Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án và trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án thực hiện đúng các quy định pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thực hiện đúng quy định tại các Điều 70, Điều 71, Điều 72, Điều 73 Bộ luật Tố tụng dân sự. Những người tham gia tố tụng khác đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, tất cả những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng nội quy phiên tòa quy định tại Điều 234 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 101; Điều 166; Điều 170; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013. Căn cứ các Điều 160, Điều 161, Điều 163, Điều 164, Điều 169 Bộ luật Dân sự năm 2015. Đề nghị: (1) Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của anh Vi Văn K. (2) Bị đơn bà Hoàng Thị D được quản lý, sử dụng diện tích 10333m² thuộc một phần thửa đất số 516 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã M cũ (nay là xã M), địa danh và địa chỉ thửa đất tại: Đồi N, Thôn N, xã M (trước đây là xã M cũ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn và sở hữu toàn bộ tài sản trên đất. (2) Về chi phí tố tụng, án phí của vụ án: Nguyên đơn anh Vi Văn K phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng của vụ án do không được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện và phải chịu 300.000 đồng án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Minh P, ông Hoàng Văn L, ông Hoàng Văn T, bà Hoàng Thị D, anh Hoàng Văn V và người đại diện của Ủy ban nhân dân huyện L, tỉnh Lạng Sơn, người đại diện của Ủy ban nhân dân xã M, huyện L, người đại diện của Công ty TNHH MTV L đều đã có đơn xin giải quyết vắng mặt tại phiên tòa; vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn C, người làm chứng ông Hoàng Văn C, ông Hoàng Văn L đã được triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ hai. Theo quy định tại khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt những người tham gia tố tụng này.

[2] Quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Trên cơ sở yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật cần giải quyết trong vụ án này là: Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất, buộc chấm dứt hành vi tranh chấp. Đất tranh chấp tại Thôn N, xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn. Căn cứ quy định tại khoản 9 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn.

[3] Ông Vy Văn H (đã chết) và bà Mỗ Thị X là vợ chồng, có các con chung là anh Vi Văn K và chị Vi Thị T; ông Vy Văn H có mẹ đẻ là bà Lý Thị P. Bà Hoàng

Thị D và ông Hoàng Văn S (đã chết) là vợ chồng, có các con chung là anh Hoàng Văn T và anh Hoàng Văn X.

[4] Về đất tranh chấp và tài sản trên đất: Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 29/6/2022 xác định đất tranh chấp có địa danh là N, địa chỉ tại: Thôn N, xã M (trước đây là xã M cũ), huyện L, tỉnh Lạng Sơn; có các phía tiếp giáp như sau: Phía Nam giáp đất ông Hoàng Văn L và đất ông Hoàng Văn C đang quản lý, sử dụng, các phía Bắc, Tây Bắc và Đông Bắc giáp đất anh Vi Văn K đang quản lý, sử dụng. Đất tranh chấp theo hiện trạng là đất rừng sản xuất. Tài sản trên đất gồm có: 01 cây thông đường kính gốc từ 05cm-10cm, 08 cây thông đường kính gốc từ 10cm-20cm, 02 cây thông đường kính gốc từ 20cm - 30cm, 01 cây thông đường kính gốc trên 30cm, 01 cây gỗ tạp thông thường đường kính gốc từ 05cm-10cm. Tại trích đo khu đất tranh chấp số 64-2022 của Công ty cổ phần trắc địa bản đồ và môi trường sông Tô chi nhánh Lạng Sơn thể hiện, đất tranh chấp có tổng diện tích 10333m² thuộc một phần thửa đất số 516 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã M cũ (nay là xã M), huyện L, tỉnh Lạng Sơn; tài sản trên đất gồm có các cây thông và cây gỗ tạp thông thường.

[5] Về nguồn gốc đất tranh chấp:

[5.1] Nguyên đơn anh Vi Văn K trình bày đất tranh chấp có nguồn gốc là do bố mẹ của anh là ông Vi Văn H và bà Mỗ Thị X nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất rừng N với ông Hoàng Văn C, có viết tay Giấy bán nhượng rừng ngày 22/11/1993 (âm lịch), có chữ ký của ông Vi Văn H, ông Hoàng Văn C và người làm chứng, chứng kiến Lý T. Nội dung Giấy bán nhượng rừng ngày 22/11/1993 (âm lịch) thể hiện ông Hoàng Văn C chuyển nhượng cho ông Vy Văn H (Vi Văn H) “rừng N giáp với rừng ông Đài, dọc từ cây sâu bờ suối thẳng lên núi trở vào trong khe với một đám nương nhỏ”. Qua xem xét thẩm định, xác minh và đối chiếu với lời khai người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn C, lời khai của những người làm chứng ông Lý Văn T, ông Lý Văn Đ xác định được diện tích đất tranh chấp không phải là rừng ông Hoàng Văn C đã bán cho ông Vy Văn H vì không cùng đặc điểm, vị trí tiếp giáp.

[5.2] Bị đơn bà Hoàng Thị D trình bày trước năm 1999 đất tranh chấp có nguồn gốc là đất trống, đồi trọc, là bãi chăn thả của Thôn N. Lời trình bày của bà Hoàng Thị D phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Hoàng Văn C, ông Hoàng Minh P, ông Hoàng Văn L, ông Hoàng Văn T, bà Lâm Thị N, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị D, lời khai của những người làm chứng ông Hoàng Văn P, ông Hoàng Văn H, ông Lý Văn T và ông Lý Văn Đ. Phù hợp với hồ sơ thiết kế trồng rừng và Hợp đồng số 77/HĐK ngày 01/02/1999 về Khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng dự án trồng mới 5 triệu ha rừng năm 1999 giữa Lâm trường L và ông Hoàng Văn S. Như vậy, có căn cứ xác định đất tranh chấp có nguồn gốc là đất chưa có ai quản lý, sử dụng trước năm 1999.

[6] Về quá trình quản lý, sử dụng đất tranh chấp:

[6.1] Nguyên đơn anh Vi Văn K trình bày: Sau khi nhận chuyển nhượng đất rừng N với ông Hoàng Văn C vào cuối năm 1993 thì gia đình anh chưa canh

tác, trồng cây gì trên đất mà chỉ hái các cây tạp làm củi. Năm 1996, chủ hộ là ông Vi Văn H (Vy Văn H) được cấp Hồ sơ giao quyền quản lý và sử dụng rừng và đất trồng rừng đăng ký số 53 tại Hạt Kiểm lâm theo Quyết định số 53/UB-QĐ ngày 15/4/1996 của UBND huyện L, hộ ông Vy Văn H được giao quyền quản lý, sử dụng diện tích đất là 6,25 ha (toàn bộ là đất trồng rừng), tại sơ đồ diện tích đất lâm nghiệp và biểu kê khai hiện trạng đất lâm nghiệp thể hiện giao cho hộ ông Vy Văn H lô 203 có diện tích 1,75 ha tại N (loại hình, trạng thái Ib) và lô 190 có diện tích 4,5 ha (loại hình, trạng thái Ic), mục đích trồng rừng. Năm 2001, khi Nhà nước triển khai dự án 661 để trồng cây phủ xanh đất trống, đồi núi trọc thì ông Hoàng Văn S (chồng bà Hoàng Thị D) và Chủ tịch UBND xã M cũ đến nhà ông Vy Văn H và bà Mỗ Thị X đề nghị cho gia đình ông Hoàng Văn S được trồng cây trên rừng N theo dự án 661, kết thúc dự án, khai thác cây xong sẽ trả đất cho gia đình anh nhưng sau khi khai thác hết thông vào tháng 10 năm 2021 thì bà Hoàng Thị D và các con không trả lại đất nữa. Như vậy, từ năm 1993 cho đến nay, gia đình anh Vi Văn K không trực tiếp quản lý, sử dụng đất tranh chấp. Ngoài lời trình bày, anh Vi Văn K không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc ông Vy Văn H và bà Mỗ Thị X cho ông Hoàng Văn S mượn đất tranh chấp để trồng thông theo dự án.

[6.2] Bị đơn bà Hoàng Thị D trình bày: Vào năm 1999, gia đình bà có đơn xin nhận khoán trồng rừng chăm sóc theo Dự án 5 triệu ha năm 1999, được Lâm trường L ký Hợp đồng số 77/HĐK ngày 01/02/1999 về Khoán trồng, chăm sóc, bảo vệ rừng dự án trồng mới 5 triệu ha rừng năm 1999 với diện tích 2,1 ha thuộc lô b5 khoảnh 4, tiểu khu 410. Gia đình bà đã quản lý, sử dụng đất tranh chấp tại Đồi N từ năm 1999 đến nay, cụ thể: Năm 1999, tiến hành việc gieo hạt nhưng không thành, sau đó, Lâm trường L ươm cây giống giao cho gia đình bà trồng được khoảng 1.800 cây thông trên đất và chăm sóc, bảo vệ. Gia đình bà đã được thanh toán tiền công trồng, chăm sóc và bảo vệ rừng trong thời gian khoảng 04 năm. Hằng năm, gia đình bà đều quản lý, chăm sóc rừng. Từ năm 2008 tiến hành khai thác nhựa thông cho tới năm 2021 thì bán cây cho anh Hoàng Văn V nhưng anh Hoàng Văn V không lấy hết cây mà vẫn còn một số cây khó khai thác do địa thế đất đồi dốc. Sau khi gia đình bà khai thác cây thông xong vào cuối năm 2021 thì anh Vi Văn K mới tranh chấp đất.

[6.3] Từ những phân tích trên, có căn cứ xác định gia đình bà Hoàng Thị D đã quản lý, sử dụng đất tranh chấp từ năm 1999 đến tháng 10/2021, tạo lập tài sản trên đất bằng việc trồng, chăm sóc và khai thác nhựa, khai thác các cây thông. Quá trình quản lý, sử dụng đất của gia đình bà Hoàng Thị D được xác định trên cơ sở ký kết Hợp đồng với Lâm trường L năm 1999, được những người dân trong thôn biết và làm chứng. Ngoài ra, anh Vi Văn K sử dụng đất giáp ranh với đất tranh chấp cũng biết quá trình quản lý, sử dụng đất của gia đình bà Hoàng Thị D.

[7] Kết quả chồng ghép bản đồ giao đất, giao rừng xã M cũ (nay là xã M) năm 1998 với bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã M cũ (nay là xã M) cho thấy: Theo bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã M cũ (nay là xã M), huyện L, tỉnh Lạng Sơn đất tranh chấp có diện tích là 10333m² thuộc một phần thửa đất số 516. Theo bản đồ giao đất, giao rừng xã M cũ năm 1998, đất tranh chấp có diện

tích là 10333m² bao gồm diện tích 2673m² thuộc một phần lô đất số 205, diện tích 2902m² thuộc một phần lô đất số 203, diện tích 4758m² thuộc một phần lô đất số 206. Tại sổ Lâm bạ Thống kê hiện trạng rừng và đất trồng rừng khi nhận đất, nhận rừng của xã M cũ thể hiện Thôn N có hộ ông Hoàng Văn X được giao lô 205, các hộ ông Hoàng Văn B, Hoàng Văn X, Hoàng Minh P, Hoàng Văn L, Hoàng Hỷ C và Hoàng Văn C được giao lô 206, hộ ông Vy Văn H được giao lô 203. Tại những lời khai trong hồ sơ, ông Hoàng Minh P, ông Hoàng Văn L, ông Hoàng Văn T, bà Lâm Thị N, bà Hoàng Thị N, bà Hoàng Thị B, bà Hoàng Thị D đều trình bày gia đình đã từng được cấp sổ bìa xanh nhưng đã bị thu hồi, gia đình các ông bà không quản lý, sử dụng đất tranh chấp cũng không có yêu cầu được quản lý, sử dụng đất tranh chấp, đề nghị Tòa án giải quyết cho gia đình bà Hoàng Thị D được quản lý, sử dụng đất tranh chấp vì đất tranh chấp có nguồn gốc là đất trồng, đòi hỏi được gia đình bà Hoàng Thị D sử dụng trồng cây thông và quản lý từ năm 1999 đến nay. Lời trình bày của các đương sự là phù hợp với quá trình quản lý đất đai của Ủy ban nhân dân huyện L thể hiện tại Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện L về việc Cấp đổi và cấp mới Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất Lâm nghiệp xã M, huyện L, tỉnh Lạng Sơn và danh sách kèm theo Quyết định, thể hiện: Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện L có nhiệm vụ “Thu hồi và lưu giữ sổ giao đất, giao rừng (sổ bìa xanh) của các hộ gia đình, cá nhân đã được cấp và giao trước đây”; “Các quyết định về việc giao đất, giao rừng (sổ bìa xanh) cho các hộ gia đình, cá nhân tại xã M của Ủy ban nhân dân huyện trước đây hết hiệu lực thi hành”.

[8] Cả nguyên đơn anh Vi Văn K và bị đơn bà Hoàng Thị D đều chưa được Nhà nước công nhận quyền sử dụng đất.

[9] Theo chính sách, pháp luật đất đai của Nhà nước ta qua các thời kỳ thì đất đai thuộc sở hữu toàn dân, do Nhà nước đại diện chủ sở hữu và thống nhất quản lý. Trước khi Luật Đất đai năm 1993 ra đời, Nhà nước không xác lập quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình (Luật Đất đai năm 1987). Sau khi Luật Đất đai năm 1993 có hiệu lực pháp luật (ngày 15/10/1993), Nhà nước xác lập quyền sử dụng đất cho cá nhân, hộ gia đình. Việc xác lập quyền sử dụng đất của Nhà nước cho cá nhân, hộ gia đình qua các thời kỳ Luật Đất đai năm 1993, Luật Đất đai năm 2003 và Luật Đất đai năm 2013 đều căn cứ vào quá trình quản lý, sử dụng đất ổn định, không có tranh chấp.

[10] Gia đình bà Hoàng Thị D có quá trình quản lý, sử dụng đất liên tục, ổn định, lâu dài, không có tranh chấp từ năm 1999 đến tháng 10/2021. Trong quá trình sử dụng đất, gia đình bà Hoàng Thị D đã trồng cây thông theo Hợp đồng với Lâm trường L và tiến hành chăm sóc cây, khai thác giá trị của cây thông không có tranh chấp nên thuộc trường hợp được Nhà nước xác lập quyền sử dụng đất theo quy định tại khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 6 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1, 2 Điều 26; Điều 101 Luật Đất đai năm 2013.

[11] Gia đình anh Vi Văn K chưa từng quản lý, sử dụng đất tranh chấp, tuy có được giao quyền quản lý, sử dụng rừng và đất trồng rừng lô 203 nhưng theo Quyết định số 3147/QĐ-UBND ngày 30/12/2009 của Ủy ban nhân dân huyện L,

tỉnh Lạng Sơn thì Quyết định về việc giao lô đất số 203 cho hộ ông Vy Văn Hã hết hiệu lực thi hành, toàn bộ sổ bìa xanh bị thu hồi. Vì vậy, yêu cầu của nguyên đơn anh Vi Văn K yêu cầu quản lý, sử dụng toàn bộ đất tranh chấp là 10333m² thuộc một phần thửa đất số 516 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã M cũ (nay là xã M) và yêu cầu bà Hoàng Thị D di dời tài sản trên đất, yêu cầu chấm dứt hành vi tranh chấp là không có căn cứ, không phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[12] Đối với toàn bộ tài sản trên đất là các cây thông, cây gỗ tạp do gia đình bà Hoàng Thị D trồng từ năm 2000 tuy đã bán cho anh Hoàng Văn V nhưng anh Hoàng Văn V không yêu cầu sở hữu, đồng ý cho người có quyền sử dụng đất được sở hữu và không phải thanh toán giá trị các cây thông cho anh Hoàng Văn V nên bà Hoàng Thị D được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất.

[13] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà Hoàng Thị D và anh Hoàng Văn T, anh Hoàng Văn X cùng tự nguyện thỏa thuận bà Hoàng Thị D được quyền quản lý, sử dụng đất tranh chấp và sở hữu tài sản trên đất. Vì vậy, Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện thỏa thuận này của các đương sự.

[14] Đối với ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn và đề nghị của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị đơn là có căn cứ, phù hợp với các quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[15] Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn anh Vi Văn K đã tạm ứng chi tổng cộng số tiền 20.482.000 đồng (hai mươi triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng), bao gồm: Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản là 3.550.000 đồng, chi phí đo đạc, trích đo địa chính khu đất và chồng ghép bản đồ là 16.932.000 đồng cho toàn bộ diện tích 10333m². Do các bên không thỏa thuận được về trách nhiệm chịu chi phí tố tụng nên căn cứ quy định tại các Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166 Bộ luật Tố tụng dân sự, nguyên đơn anh Vi Văn K phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng là 20.482.000 đồng (hai mươi triệu bốn trăm tám mươi hai nghìn đồng) tương ứng với toàn bộ yêu cầu khởi kiện không được chấp nhận. Xác nhận anh Vi Văn K đã thi hành xong.

[16] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, do yêu cầu của nguyên đơn anh Vi Văn K không được chấp nhận nên anh Vi Văn K phải chịu án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh Vi Văn K đã nộp.

[17] Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn luật định theo quy định tại Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 6 Điều 50 Luật Đất đai năm 2003; khoản 1, 2 Điều 26, Điều 101, Điều 166, Điều 170, Điều 203 Luật Đất đai năm 2013.

Căn cứ vào các Điều 160, Điều 161, Điều 163, Điều 164, Điều 169, Điều 221 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 158, Điều 165, Điều 166, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 229, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tổ tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khoá 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quyền sử dụng đất và quyền sở hữu tài sản trên đất

1.1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Vi Văn K.

1.2. Bị đơn bà Hoàng Thị D được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 10333m² thuộc một phần thửa đất số 516 tờ bản đồ địa chính đất lâm nghiệp số 01 xã Mcũ (nay là xã M), địa chỉ thửa đất tại: Đồi N, Thôn N, xã M (trước đây là xã M), huyện L, tỉnh Lạng Sơn, bao gồm: Diện tích 4074m² ký hiệu thửa tạm 516.1 được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A3-A4-B8-A5-A6-B5-B4-B6-B3, diện tích 1225m² ký hiệu thửa tạm 516.2 được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A1-A2-A3-B3-B6-B4-B5-A6-A7-B2-B1-A10, diện tích 5034m² ký hiệu thửa tạm 516.3 được xác định bởi các đỉnh thửa nối các điểm A10-B1-B2-A7-A8-A9 thể hiện tại phụ lục khu đất tranh chấp kèm theo bản án.

Bà Hoàng Thị D được sở hữu toàn bộ tài sản trên đất, gồm: 01 cây thông đường kính gốc từ 05cm-10cm, 08 cây thông đường kính gốc từ 10cm-20cm, 02 cây thông đường kính gốc từ 20cm - 30cm, 01 cây thông đường kính gốc trên 30cm, 01 cây gỗ tạp thông thường đường kính gốc từ 05cm-10cm.

1.3. Bà Hoàng Thị D có nghĩa vụ kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất theo quy định của Luật Đất đai.

1.4. Buộc nguyên đơn anh Vi Văn K và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lý Thị P, bà Mỗ Thị X và chị Vi Thị T chấm dứt hành vi tranh chấp đối với diện tích đất và tài sản trên đất nêu tại mục 1.2.

2. Nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Nguyên đơn anh Vi Văn K phải chịu toàn bộ chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản và trích đo khu đất tranh chấp, lồng ghép bản đồ là 20.482.000 đồng. Xác nhận nguyên đơn anh Vi Văn K đã thi hành xong.

3. Về án phí: Nguyên đơn anh Vi Văn K phải chịu toàn bộ án phí của vụ án là 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng anh Vi Văn K đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa

án số AA/2021/0005098 ngày 22/3/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L, tỉnh Lạng Sơn.

4. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- VKSND huyện Lộc Bình, tỉnh Lạng Sơn;
- Chi cục THADS huyện L, tỉnh Lạng Sơn;
- Các đương sự;
- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho đương sự;
- Người đại diện hợp pháp của đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nông Thị Huyền Trang

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nông Thị Huyền Trang